

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ - ST

Ngày 10 tháng 6 năm 2025

V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng và bà Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:

Ông: Vũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST – HNGĐ ngày 04/3/2025 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cầm Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Làm Công ty (*có mặt*);

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phan Thị Nhung - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 6 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*);

2. *Bị đơn:* Anh Cầm Bá K, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (*có mặt*).

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Khang - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 6 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cầm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị T và anh Cầm Bá K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương vào tháng 02/2009, đến ngày 22/5/2009 đến Ủy ban nhân dân xã K để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đầm ấm hạnh phúc được một thời gian dài, đến tháng 6 năm 2021 nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K uống rượu, chơi bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng nói chuyện hòa giải với nhau nhưng vẫn không có kết quả, chị T đã sống vì con nhưng đến đầu năm 2022 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người tự lo cho cuộc sống của riêng mình. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cầm Bá K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Cầm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Cầm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015. Vợ chồng ly hôn chị T xin nuôi cháu T và cháu T giao cho anh K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản; công nợ: Chị Cầm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị T và anh K không còn tình cảm gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Cầm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Cầm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015. Khi ly hôn chị T xin nuôi cháu T và cháu T giao cho anh K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh K nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại các Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Cầm Bá K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cầm Bá K và chị Cầm Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02 năm 2009, đến ngày 22/5/2009 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc, yêu thương lẫn nhau. Năm 2001 anh đồng ý cho vợ đi làm ở Bắc Ninh đến năm 2022

thì về làm ở gần nhà. Tháng 06 năm 2022 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do một phần anh cũng có uống rượu, chơi cờ bạc, cuộc sống gia đình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly nhau từ tháng 3 năm 2022 đến nay, nhưng anh K vẫn thường xuyên liên lạc cho vợ để nói chuyện hòa giải nhưng chị T không đồng ý. Tại phiên Tòa anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến ai nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Thanh T, sinh ngày: 19/01/2010 và cháu Cầm Thị Minh T, sinh ngày: 09/11/2015. Chị T cương quyết ly hôn, anh K xin nuôi dưỡng cả 02 (hai) cháu T và T và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Anh Cầm Bá K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị T làm đơn xin ly hôn anh K, tại phiên tòa anh K đồng ý ly hôn với chị T nên đề nghị HĐXX chấp thuận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh K với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Cầm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Cầm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015. Chị T cương quyết ly hôn, cả hai cháu T và T đang ở với anh K, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xem xét giao cả hai cháu T và T cho anh K nuôi dưỡng, anh K có thu nhập ổn định nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 27/03/2025. Chính quyền địa phương xác nhận: Chị T và anh K chung sống với nhau tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 02 năm 2009, đến tháng 5 năm 2009 thì mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 06/2021 thì nảy sinh mâu thuẫn cãi cọ nhau, đến tháng 03/2022 thì không thấy vợ chồng chung sống với nhau nữa, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ và cũng không tham gia hòa giải, vợ chồng có 02 (hai) con chung, các cháu ở cùng anh K và bà nội, nay được biết chị T làm đơn xin ly hôn anh K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Cẩm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Cẩm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015. Cả chị T và anh K đều có nguyện vọng nuôi con. Mặt khác, cháu T có nguyện vọng ở với anh K, cháu T có nguyện vọng ở với chị T. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HN và GD, giao cho mỗi người một cháu là phù hợp. Giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu T cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T và anh K không yêu cầu gì nên không xem xét. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2025, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, có mặt anh K, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của nguyên đơn chị Cẩm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T và anh K, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K trong quá trình chung sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị T và anh K đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T và anh K tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Cẩm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Cẩm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính

đáng. Anh K yêu cầu xin nuôi cả hai cháu T và T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là trách nhiệm của cả bố và mẹ. Ý kiến của chị T xin nuôi cháu T, còn giao cháu T cho anh K nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, xét về nguyện vọng của cháu T xin được ở với bố, cháu T xin ở với mẹ. Cả chị T và anh K đều là người có thu nhập ổn định, hai người ở cùng thôn nên việc đi lại thăm nom con thuận lợi. Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD năm 2014 giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Giao cháu Cẩm Thị Minh T cho chị Cẩm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Cẩm Thanh T cho anh Cẩm Bá K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cẩm Thị T

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K.

Về con chung: Giao cháu Cẩm Thị Minh T, sinh ngày 09/11/2015 cho chị Cẩm Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Cẩm Thanh T, sinh ngày 19/01/2010 cho anh Cẩm Bá K trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Cẩm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Thủy đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0006382 ngày 04/3/2025 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị T phải nộp.

Quyền kháng cáo: Chị Cẩm Thị T và anh Cẩm Bá K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/6/2025).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QLIHP;
- UBND xã Luận Khê;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Tâm